TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2020/DS-ST
Ngày: 04/9/2020
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Niềm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị U.

2. Bà Trịnh Thị Trúc Linh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Mỹ Diện - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST, ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bé U, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T 2, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hoàng Q, bà Lâm Thị C (Lâm Thị H). (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T 2, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T 2, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Trần Văn T1, sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người làm chứng:

- Bà Đào Thị Bé H, sinh năm 1964. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T 2, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Long Hòa 1, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn Trần Thị Bé U trình bày:

Chị có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Q bà C làm chủ, cụ thể như sau:

1. Hụi mùa, mở ngày 09/02/2013 Âl, 3.000.000đồng/phần, 03 tháng khui một lần, hụi gồm có 29 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 25 lần thì ông Q bà C đình hụi, số tiền chị đóng được tổng cộng là 24.750.000đồng. Dây hụi này ông Q bà C còn nợ chị tiền hụi tính theo hụi chết là 75.000.000 đồng.

2. Hụi mùa, mở ngày 19/01/2015 Âl, 3.000.000đồng/phần, 03 tháng khui một lần, hụi gồm có 25 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 16 lần thì ông Q bà C đình hụi, số tiền chị đóng được tổng cộng là 14.820.000đồng. Dây hụi này ông Q bà C còn nợ chị tiền hụi tính theo hụi chết là 48.000.000đồng.

3. Hụi tháng, mở ngày 29/02/2017 Âl, 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui một lần, hụi gồm có 37 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 21 lần thì ông Q bà C đình hụi, số tiền chị đóng được tổng cộng là 6.470.000đồng. Dây hụi này ông Q bà C còn nợ chị tiền hụi tính theo hụi chết là 21.000.000đồng.

4. Hụi tháng, mở ngày 04/5/2017 Âl, 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui một lần, hụi gồm có 31 phần, chị tham gia 02 phần, đóng được 21 lần mỗi phần thì ông Q bà C đình hụi, số tiền chị đóng được tổng cộng là 6.190.000đồng x 2

lần = 12.380.000đồng. Dây hụi này ông Q bà C còn nợ chị tiền hụi tính theo hụi chết là 42.000.000đồng.

5. Hụi tháng, mở ngày 25/9/2017 Âl, 1.000.000đồng/phần, mỗi tháng khui một lần, hụi gồm có 27 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 12 lần thì ông Q bà C đình hụi, số tiền chị đóng được tổng cộng là 4.790.000đồng. Dây hụi này ông Q bà C còn nợ chị tiền hụi tính theo hụi chết là 12.000.000đồng.

Ngoài ra ông Q, bà C còn nợ chị 95.000.000đồng; trong đó tiền mượn là 90.000.000đồng và nợ tiền hụi trước đó là 5.000.000đồng.

Ngày 18/3/2020 bà C có lập giấy tính tiền hụi, trong đó xác nhận còn nợ số tiền tổng cộng là 377.500.000đồng, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q bà C trả số tiền nợ là 293.000.000đồng trong 377.500.000đồng.

Tại văn bản ngày 19/8/2020 và tại phiên tòa chị U xin rU một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000đồng, chỉ yêu cầu ông Q, bà C trả số tiền 243.500.000đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q bà Lâm Thị C: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày: Ông là chồng bà U, là họ hàng với bà C, bà C kêu ông bằng bác, nên trong danh sách hụi do vợ ông tham gia ghi "T" hoặc "B U T" là tên ông. Việc vợ ông chơi hụi ông cũng biết, nhưng ông thống nhất giao toàn quyền cho vợ là Trần Thị Bé U định đoạt việc khởi kiện vợ chồng ông Q, bà C đòi số tiền còn nợ là 243.500.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày: Ông là anh ruột chị U, không có họ hàng gì với ông Q, bà C. Ông có tham gia chân hụi 3.000.000đồng/3 tháng mở ngày 09/02/2013 (Âl), ông đứng tên một phần, nhờ chị U đứng tên một phần (trong danh sách hụi ghi B U T). Do có một phần hụi nhờ chị U đứng tên giùm, nên khi bà C cùng chị U tính toán tiền hụi đã gộp luôn cả số tiền ông Q, bà C nợ ông là 134.000.000đồng vào giấy tính tiền hụi ngày 18/3/2020. Đối với việc chị U khởi kiện ông Q, bà C ông không có ý kiến; còn đối với số tiền nợ hụi ông Q, bà C

thiếu ông tổng cộng 134.000.000đồng đã được giải quyết bằng bản án số 108/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 nên ông không có yêu cầu thêm.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Mỹ Ngọc tại văn bản ngày 29/6/2020 trình bày: Bà là cháu kêu chồng bà U bằng bác, còn giữa chồng bà với bà C là bà con cô cậu ruột (họ hàng). Bà có tham gia chơi hụi cùng với bà Trần Thị Bé U do ông Q, bà C làm chủ, chân hụi mở ngày 19/01/2015 (Âl), hụi 3.000.000đồng/3 tháng, trong danh sách hụi ghi "Độm" là tên chồng bà, dây hụi này bà tham gia một phần và bốc thăm hốt lần đầu được số tiền 51.000.000đồng, nhưng đến nay ông Q, bà C vẫn chưa chung cho bà. Còn bà U bốc thăm số mấy bà không biết, chỉ biết số tiền tương đương với số tiền của bà, nhưng đến nay ông Q, bà C vẫn chưa chung tiền hụi cho bà U.

Người làm chứng bà Đào Thị Bé H tại văn bản ngày 29/6/2020 trình bày: Bà có quan hệ họ hàng xa với ông T (chồng bà U), còn bà C là cháu ruột kêu bà bằng Dì. Bà cùng bà U tham gia 02 dây hụi do ông Q, bà C làm chủ gồm: hụi 3.000.000đồng/3 tháng mở ngày 09/02/2013 (Âl), tham gia một phần hốt xong; hụi 3.000.000đồng/3 tháng mở ngày 19/01/2015 (Âl), bà bốc thăm sẽ được hốt ngày 06/12/2020, còn bà U sẽ được hốt ngày 06/3/2020. Tuy nhiên, cả hai dây hụi trên, bà U bốc thăm được hốt nhưng ông Q, bà C vẫn chưa chung tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ phát biểu:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 234.500.000đồng.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị C vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt và dành quyền kháng cáo cho các bị đơn.

Đối với những người làm chứng là Nguyễn Thị Mỹ Ngọc và Đào Thị Bé H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi và đòi lại tài sản", căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị U xác định có chơi hụi do ông Q, bà C làm chủ tất cả 05 dây hụi, đến thời điểm ông Q bà C đình hụi thì còn nợ chị tổng cộng 293.000.000 đồng (bao gồm tiền hụi tính theo giá hụi chết, tiền mượn và tiền nợ hụi trước đây). Do ông Q bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên chị U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn phải trả số tiền còn nợ nêu trên. Tại phiên tòa chỉ yêu cầu ông Q, bà C trả số tiền nợ còn lại là 243.500.000đồng.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Bé U có cung cấp danh sách hụi thể hiện ông Q, bà C cùng đứng tên làm chủ các dây hụi mà chị tham gia. Đồng thời, có cung cấp tờ giấy tính tiền hụi có chữ ký của bà C ở mặt sau với nội dung: Tổng cộng thiếu tiền hụi của bác U T tổng cộng 377.500.000đồng, gởi trả bảy triệu đồng mỗi tháng đến hết số tiền thì thôi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Q, bà C để xác định ông bà có nợ chị Bé U tiền hụi hay không, và nội dung trong biên nhận "Tính Tiền hụi" ngày 18/3/2020 do chị U cung cấp có đúng là do bà C viết, ký tên hay không, nhưng ông bà vắng mặt.

Xét lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Đào Thị Bé H: những người này xác định có tham gia chơi hụi do ông Q, bà C làm chủ với các chân hụi mở ngày 19/01/2015 Âl, trong đó có bà U; còn bà Bé Hai tham gia chơi chân hụi mở ngày 09/02/2013 Âl và ngày 19/01/2015 Âl. Bà Bé Hai, bà Ngọc đều xác định bà U đã bốc thăm nhưng chưa được ông Q, bà C chung tiền hụi.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận ngày 18/3/2020 do chị U cung cấp cùng với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét biên nhận ngày 18/3/2020, mặc dù chỉ có bà C ký tên ông Q không có ký tên, nhưng tại phiên tòa chị U xác định khi tham gia chơi hụi thì ông Q bà C cùng đứng tên làm chủ hụi nên yêu cầu cả hai người cùng có nghĩa vụ trả nợ cho chị. Hội đồng xét xử căn cứ các danh sách hụi do chị U cung cấp cùng với lời khai của những người làm chứng, thì xác định được ông Q đồng là chủ hụi với bà C. Cho nên, ông phải cùng bà C có nghĩa vụ trả nợ cho những người tham gia chơi hụi.

Đối với số tiền trong biên nhận 18/3/2020 là 377.500.000đồng, tại phiên tòa chị U xác định trong đó phần ông Q, bà C nợ ông T1 (anh ruột chị U) là 134.000.000đồng, nợ chị 243.500.000đồng. Ông T1 cũng thống nhất ý kiến chị U và xác định số tiền của ông đã được giải quyết bằng bản án số 18//2020/DS-ST ngày 20/8/2020, nên không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đến số tiền ông Q, bà C nợ ông T1 trong vụ án này.

[3.3] Đối với ông Nguyễn Hoàng Q, bà Lâm Thị C vắng mặt nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Coi như ông, bà tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.4] Đối với việc rU một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé U với số tiền 50.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận và căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

[3.5] Từ nhận định trên, cần buộc bị đơn Nguyễn Hoàng Q, Lâm Thị C, có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị Bé U số tiền tổng cộng là 243.500.000đồng.

[4] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là: 243.500.000đồng x 5% = 12.175.000đồng.

Chị Trần Thị Bé U được nhận lại 7.325.000đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 6, Điều 26, Điều 35, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 229, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 166, 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Bé U.

2. Buộc ông Nguyễn Hoàng Q, bà Lâm Thị C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Bé U số tiền tổng cộng là 243.500.000đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn Trần Thị Bé U có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi của bà Trần Thị Bé U.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Q, bà Lâm Thị C phải nộp 12.175.000đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị Bé U được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.325.000đồng (Bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000338 ngày 18/3/2020 tại C cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Ngọc Niềm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- C cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Lưu.